TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04 – 7 - 2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tấn Tài

2. Ông Huỳnh Hoàng Thuận

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Tấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Công - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số 287/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự

Nguyên đơn: Bà Lê Ngọc D, sinh năm 1993; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp H, xã M, huyện C, tỉnh K; tạm trú: 23/A 11 tổ 5, khu phố 3, phường A, thành phố T, tỉnh B, có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1985; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp Lô 15A, xã Hưng Yên, huyện A, tỉnh k; nơi làm việc: Công ty TNHH URC Việt Nam; địa chỉ: Số 42 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; làm việc tại bộ phận Kho, vắng mặt do có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng nguyên đơn - bà Lê Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang vào ngày 18 tháng 11 năm 2019, theo giấy chứng nhận kết hôn số 88/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian

ngắn thì phát sinh nguyên nhân bắt nguồn là bà D không có khả năng sinh con, rồi vợ chồng hay cãi vã, xúc phạm lẫn nhau rồi sống ly thân, không còn ăn chung, sống chung mỗi người một nơi từ ngày 28/11/2022. Bà D xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn yêu thương và nhất quyết ly hôn với với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (bản chứng thực); giấy kết hôn (bản sao);

Quá trình tố tụng bị đơn – ông Nguyễn Văn Nữa trình bày:

Ông N thống nhất theo lời trình bày của bà D về thời gian, điều kiện kết hôn và thời gian chung sống. Khoảng cuối năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông N xác định còn yêu thương bà D nên không đồng ý ly hôn. Do ông N bận công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Lê Ngọc D khởi kiện ông Nguyễn Văn N yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn N đang làm việc tại Công ty TNHH URC Việt Nam; địa chỉ: Số 42 đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam – Singapo, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Thuận An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án bà D và ông N đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 277 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông N tự nguyện tìm hiểu chung sống, có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng

nguyên nhân xuất phát do bà D không có khả năng sinh con, nên hai vợ chồng thường xảy ra cãi vã, xung đột, dẫn đến hai người không còn tiếng nói chung. Hiện nay vợ chồng đã ly thân một thời gian dài không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà D về việc ly hôn với ông N.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Lê Ngọc D đối với bị đơn - ông Nguyễn Văn N về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Ngọc D được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Ngọc D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004238 ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- UBND xã Mong Thọ, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Ngọc